

Số: 08/2013/TT-BCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2013

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN MUA BÁN HÀNG HÓA CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đầu tư để thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá

Nhà đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 23/2007/NĐ-CP có quyền đầu tư để thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo hình thức đầu tư và lộ trình thực hiện quy định tại Phụ lục số 01 Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Phạm vi thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được tiến hành các hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định của Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ của doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thực hiện quyền xuất khẩu

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền xuất khẩu, được mua hàng hoá tại Việt Nam để xuất khẩu ra nước ngoài, bao gồm hàng hoá do doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp khác nhập khẩu vào Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác, theo các điều kiện sau:

a) Hàng hóa xuất khẩu không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền xuất khẩu theo cam kết quốc tế;

b) Hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng hoá xuất khẩu có điều kiện, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

c) Hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, doanh nghiệp phải thực hiện theo lộ trình cam kết;

d) Mặt hàng xuất khẩu phải phù hợp với nội dung quyền xuất khẩu doanh nghiệp đã được cấp phép thực hiện.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền xuất khẩu được trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền xuất khẩu chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với việc xuất khẩu hàng hoá theo quy định của pháp luật.

4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền xuất khẩu chỉ được trực tiếp mua hàng hóa của thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền nhập khẩu, quyền phân phối hàng hóa đó để xuất khẩu; không được tổ chức mạng lưới mua gom hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu, bao gồm việc mở địa điểm để mua gom hàng hóa xuất khẩu, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 4. Thực hiện quyền nhập khẩu

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền nhập khẩu được nhập khẩu hàng hoá từ nước ngoài vào Việt Nam theo các điều kiện sau:

a) Hàng hóa nhập khẩu không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng nhập khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền nhập khẩu theo cam kết quốc tế;

b) Hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hoá nhập khẩu có điều kiện, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

c) Hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, doanh nghiệp phải thực hiện theo lộ trình cam kết;

d) Mặt hàng nhập khẩu phải phù hợp với nội dung quyền nhập khẩu doanh nghiệp đã được cấp phép thực hiện.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền nhập khẩu được trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền nhập khẩu chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với việc nhập khẩu hàng hoá theo quy định của pháp luật.

4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền nhập khẩu nhưng chưa được cấp phép quyền phân phối chỉ được trực tiếp bán hàng nhập khẩu cho các thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền xuất khẩu, quyền phân phối hàng hóa đó, không được tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối hàng hóa tại Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 5. Thực hiện quyền phân phối

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền phân phối được phân phối các hàng hoá sản xuất tại Việt Nam và các hàng hoá nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam theo các điều kiện sau:

a) Hàng hoá phân phối không thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh và danh mục hàng hóa không được quyền phân phối theo cam kết quốc tế;

b) Hàng hóa hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

c) Hàng hóa phân phối thuộc danh mục hàng hóa phân phối theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, doanh nghiệp phải thực hiện theo lộ trình cam kết;

d) Mặt hàng phân phối phải phù hợp với nội dung quyền phân phối doanh nghiệp đã được cấp phép thực hiện.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền phân phối chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với việc phân phối hàng hoá theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá với doanh nghiệp chế xuất

1. Doanh nghiệp chế xuất có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện các quyền tương ứng quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư này.

2. Doanh nghiệp chế xuất có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép quyền phân phối thực hiện quyền phân phối theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, bao gồm việc phân phối cho doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp ngoài khu chế xuất tại Việt Nam.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không phải là doanh nghiệp chế xuất đã được cấp phép quyền phân phối thực hiện quyền phân phối theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, bao gồm việc phân phối cho doanh nghiệp chế xuất.

4. Doanh nghiệp chế xuất chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với việc thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo quy định của pháp luật.

5. Các ưu đãi đầu tư, ưu đãi về thuế và các ưu đãi tài chính khác áp dụng đối với việc sản xuất để xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất có vốn đầu tư nước ngoài không áp dụng đối với hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của doanh nghiệp chế xuất có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 7. Lập cơ sở bán lẻ

1. Việc lập cơ sở bán lẻ, bao gồm cả cơ sở bán lẻ thứ nhất, phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động bán lẻ và phù hợp với quy hoạch có liên quan của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi dự kiến lập cơ sở bán lẻ.

2. Việc lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào việc kiểm tra nhu cầu kinh tế của địa bàn nơi đặt cơ sở bán lẻ theo các tiêu chí: số lượng các cơ sở bán lẻ, sự ổn định của thị trường, mật độ dân cư và quy mô của địa bàn cấp quận, huyện nơi dự kiến đặt cơ sở bán lẻ.

3. Trường hợp lập cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 500 m² tại khu vực đã được tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy hoạch cho hoạt động mua bán hàng hoá và đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng không phải thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này về kiểm tra nhu cầu kinh tế. Quy định này không áp dụng trong trường hợp có thay đổi quy hoạch và điều kiện này không còn tồn tại.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thành lập Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế để xem xét sự phù hợp của việc lập một cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

5. Thành phần Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế bao gồm đại diện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Ban Quản lý Khu Kinh tế nơi đặt cơ sở bán lẻ); Sở Công Thương và các cơ quan ban ngành có liên quan (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định).

Trường hợp địa điểm lập cơ sở bán lẻ thuộc khu vực địa lý cấp phường, xã, thị trấn tiếp giáp với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế phải bao gồm đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp giáp.

6. Kết quả làm việc của Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua bằng văn bản. Văn bản này là một thành phần trong hồ sơ lập cơ sở bán lẻ gửi đến Bộ Công Thương lấy ý kiến chấp thuận.

7. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư có nội dung thành lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này nhưng chưa được cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại Nghị định số 23/2007/NĐ-CP, phải làm thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Điều 8. Lập chi nhánh để thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập chi nhánh để thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá hoặc lập cơ sở bán lẻ gắn với thành lập chi nhánh phải thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 23/2007/NĐ-CP và quy định của Thông tư này.

Điều 9. Hoạt động góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam để thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa

Doanh nghiệp trở thành doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam phải thực hiện theo quy định của Nghị định số 23/2007/NĐ-CP và Thông tư này.

Chương II

THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HOÁ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN MUA BÁN HÀNG HOÁ

Điều 10. Cấp giấy phép thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, không đồng thời thực hiện quyền phân phối hoặc các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá

1. Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư để thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu phải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam bổ sung mục tiêu hoạt động thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.

a) Hồ sơ gồm:

- Hồ sơ thẩm tra cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Bản giải trình việc đáp ứng các điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo Mẫu MĐ-6 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kinh nghiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;
- Chứng từ của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liền kề đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào quy định pháp luật có liên quan để cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư để bổ sung mục tiêu hoạt động thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu. Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy phép kinh doanh. Quy định về ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện theo mẫu HD-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư để thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu điều chỉnh nội dung thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư hoặc thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư kèm theo cấp Giấy phép kinh doanh (theo đề nghị của doanh nghiệp).

a) Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, hồ sơ gồm:

- Hồ sơ thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- Bản giải trình việc đáp ứng các điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo Mẫu MĐ-6 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kinh nghiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện nội dung điều chỉnh;
- Báo cáo tình hình thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo mẫu BC-1, BC-2 và BC-3 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Chứng từ của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liền kề. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do.

b) Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư kèm theo cấp Giấy phép kinh doanh, hồ sơ gồm:

- Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu MĐ-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào quy định pháp luật có liên quan để điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư về nội dung thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư về nội dung thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu kèm theo cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu GP-1 ban hành kèm theo Thông tư này. Quy định về ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện theo mẫu HD-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Cấp giấy phép thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá

1. Nhà đầu tư nước ngoài có dự án đầu tư thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá gắn với thành lập doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

a) Hồ sơ gồm:

- Hồ sơ thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- Bản giải trình việc đáp ứng các điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo Mẫu MĐ-6 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kinh nghiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện mục tiêu hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá.

b) Sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy phép kinh doanh.

c) Quy định về ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện theo mẫu HD-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nhà đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá, có dự án đầu tư thành lập tổ chức kinh tế khác hoặc tham gia đầu tư dự án thuộc tổ chức kinh tế khác để thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá mà phải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

a) Hồ sơ gồm:

- Hồ sơ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này;

- Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của các dự án đã được cấp phép theo mẫu BC-3 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Chứng từ của cơ quan thuế về thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liền kề. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do.

b) Sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy phép kinh doanh.

c) Quy định về ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện theo mẫu HD-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư để thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá, điều chỉnh nội dung thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư hoặc thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư kèm theo cấp Giấy phép kinh doanh (theo đề nghị của doanh nghiệp).

a) Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, hồ sơ gồm:

- Hồ sơ thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Bản giải trình việc đáp ứng các điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo Mẫu MĐ-6 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kinh nghiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện nội dung điều chỉnh;

- Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo mẫu BC-3 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Chứng từ của cơ quan thuế về thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liền kề. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do.

b) Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư kèm theo cấp Giấy phép kinh doanh, hồ sơ gồm:

- Hồ sơ quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này;

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu MĐ-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Công Thương. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương gửi ý kiến bằng văn bản về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

Trường hợp chỉ điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh nội dung thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá trong Giấy chứng nhận đầu tư.

Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư kèm theo cấp Giấy phép kinh doanh, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh nội dung thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá trong Giấy chứng nhận đầu tư kèm theo cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu GP-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Quy định về ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện theo mẫu HD-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 12. Cấp phép bổ sung mục tiêu hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, bổ sung mục tiêu hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và cấp Giấy phép kinh doanh. Hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu MĐ-1 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản giải trình việc đáp ứng các điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo Mẫu MĐ-6 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kinh nghiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá;
- Chứng từ của cơ quan thuế về thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liền kề. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh bổ sung mục tiêu hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá vào Giấy chứng nhận đầu tư, cấp Giấy phép kinh doanh theo Mẫu GP-1 ban hành kèm theo Thông tư này. Quy định về ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện theo mẫu HD-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá

1. Sửa đổi thông tin đăng ký

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh theo Mẫu MĐ-2 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Các tài liệu liên quan đến nội dung sửa đổi;
- Giấy phép kinh doanh đã được cấp (bản chính).

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh mới theo Mẫu GP-1 ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời thu hồi Giấy phép kinh doanh đã cấp.

2. Bổ sung nội dung thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh theo Mẫu MĐ-2 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Bản giải trình việc đáp ứng các điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo Mẫu MĐ-6 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kinh nghiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện nội dung bổ sung;
- Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá đã được cấp phép theo mẫu BC-3 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Chứng từ của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liền kề. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do;
- Giấy phép kinh doanh đã được cấp (bản chính).

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Công Thương. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh theo Mẫu GP-1 ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời thu hồi Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Điều 14. Cấp lại Giấy phép kinh doanh

1. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo Mẫu MĐ-3 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Phần bản gốc còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép kinh doanh trong trường hợp bị rách, nát, bị cháy hoặc bị tiêu hủy một phần; hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an về việc khai báo mất Giấy phép kinh doanh, hoặc bản giải trình lý do có cam kết của doanh nghiệp trong trường hợp bị rách, nát, cháy, hoặc tiêu hủy toàn bộ.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp bản mới Giấy phép kinh doanh với nội dung đúng như nội dung Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Điều 15. Cấp giấy phép thực hiện mục tiêu hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá sau khi tạm ngừng hoặc chấm dứt các mục tiêu hoạt động khác

1. Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tạm ngừng hoặc chấm dứt các mục tiêu hoạt động đã được cấp phép, chỉ thực hiện mục tiêu hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi hồ sơ xin ý kiến Bộ Công Thương về việc điều chỉnh mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp.

2. Sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép kinh doanh.

Chương III

CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ

Điều 16. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất phải làm thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, hồ sơ bao gồm:

a) Hồ sơ thẩm tra cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Hồ sơ cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thực hiện theo Mẫu MĐ-4 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản giải trình việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 7 Thông tư này;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua kết quả làm việc của Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

- Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo mẫu BC-3 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Chứng từ của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liền kề. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo Mẫu GP-2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

1. Sửa đổi thông tin đăng ký

a) Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo mẫu MĐ-5 kèm theo Thông tư này;

- Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã cấp (bản chính).

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ mới, đồng thời thu hồi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã cấp.

2. Sửa đổi quy mô của cơ sở bán lẻ

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo mẫu MĐ-5 kèm theo Thông tư này;

- Tài liệu liên quan đến sửa đổi quy mô của cơ sở bán lẻ;

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua kết quả làm việc của Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế trong trường hợp doanh nghiệp điều chỉnh tăng quy mô của cơ sở bán lẻ tới mức phải thực hiện quy định về kiểm tra nhu cầu kinh tế theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

- Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo mẫu BC-3 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Chứng từ của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liền kề. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do;

- Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã cấp (bản chính).

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Công Thương. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương gửi ý kiến bằng văn bản về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ mới theo mẫu GP-2, đồng thời thu hồi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã cấp.

3. Bổ sung nội dung hoạt động của cơ sở bán lẻ

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo mẫu MĐ-5 kèm theo Thông tư này;
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kinh nghiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện chi tiết nội dung bổ sung;
- Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá đã được cấp phép theo mẫu BC-3 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Chứng từ của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liền kề. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do;
- Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã cấp (bản chính).

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Công Thương. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương gửi ý kiến bằng văn bản về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ mới theo mẫu GP-2, đồng thời thu hồi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã cấp.

Điều 18. Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

1. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo Mẫu MĐ-3 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Phần bản gốc còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép kinh doanh trong trường hợp bị rách, nát, bị cháy hoặc bị tiêu hủy một phần; hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an về việc khai báo mất Giấy phép kinh doanh, hoặc bản giải trình lý do có cam kết của doanh nghiệp trong trường hợp bị rách, nát, cháy, hoặc tiêu hủy toàn bộ.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp bản mới Giấy phép lập cơ sở bán lẻ với nội dung đúng như nội dung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã cấp.

Điều 19. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất đã được thành lập theo quy định của pháp luật nhưng chưa được cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại Nghị định số 23/2007/NĐ-CP

1. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thực hiện theo Mẫu MĐ-4 ban hành kèm theo Thông tư này;
 - Báo cáo tình hình đầu tư, tình hình hoạt động của cơ sở bán lẻ đề nghị được cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.
2. Sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo Mẫu GP-2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

THU HỒI GIẤY PHÉP KINH DOANH, GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ

Điều 20. Thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trong các trường hợp sau:

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá có hành vi vi phạm quy định của pháp luật theo đó phải thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.
2. Dự án đầu tư vào hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Chương V

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 21. Chế độ báo cáo của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo các quy định của pháp luật Việt Nam; đồng thời thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Báo cáo thương nhân bán hàng để xuất khẩu

Định kỳ hàng năm, trước ngày 30 tháng 01, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép thực hiện quyền xuất khẩu phải lập báo cáo thương nhân bán hàng xuất khẩu gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu BC-1 tại Thông tư này.

3. Báo cáo thương nhân mua hàng nhập khẩu

Định kỳ hàng năm, trước ngày 30 tháng 01, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép thực hiện quyền nhập khẩu nhưng chưa có quyền phân phối phải lập báo cáo về thương nhân mua hàng nhập khẩu gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu BC-2 tại Thông tư này.

4. Báo cáo tổng hợp

Định kỳ hàng năm, trước ngày 30 tháng 01, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá phải lập báo cáo tổng hợp gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu BC-3 tại Thông tư này.

5. Các báo cáo trên là một trong các cơ sở để theo dõi hoạt động của doanh nghiệp.

Điều 22. Báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương

1. Định kỳ 06 (sáu) tháng, trước ngày 15 tháng 01 và ngày 15 tháng 7 mỗi năm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương về tình hình cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép đã cấp cho các dự án đầu tư vào hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá; đồng thời nêu các kiến nghị, đề xuất theo Mẫu BC-4 tại Thông tư này.

2. Định kỳ hàng năm, trước ngày 28 tháng 02, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương về tình hình hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá; đồng thời nêu các kiến nghị, đề xuất theo Mẫu BC-5 tại Thông tư này.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của Nghị định số 23/2007/NĐ-CP và hướng dẫn của Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan khẩn trương phản ánh về Bộ Công Thương để kịp thời xử lý.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2013. Thông tư này áp dụng đối với tất cả các trường hợp chưa được cấp phép hoặc chưa được sửa đổi, bổ sung, cấp lại tính đến hết ngày hiệu lực của Thông tư.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2008 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương mại./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương;
- Các Ban quản lý các KKT, KCN, KCX;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng; các Thứ trưởng;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ và các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, KH (15).

Hồ Thị Kim Thoa

FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN



Bieu mau